

GIÁO ÁN NGŨ VĂN 8 – TUẦN 4
TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH
Tiết: 15

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Hiểu được thế nào là từ tượng hình ,từ tượng thanh .
- Có ý thức sử dụng từ tượng hình ,từ tượng thanh để tăng thêm tính hình tượng ,tính biểu cảm trong giao tiếp

2. Kỹ năng:

- Nhận biết từ tượng hình , từ tượng thanh và giá trị của chúng trong văn miêu tả
- Lựa chọn, sử dụng từ tượng hình , từ tượng thanh phù hợp với hoàn cảnh nói viết

3. Năng lực:

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để hiểu nội dung văn bản.
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin
- Năng lực tự học

4. Phẩm chất:

- Có ý thức sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh để tăng thêm tính hình tượng, tính biểu cảm trong giao tiếp

II. Chuẩn bị của GV và HS:

1.GV:

- SGK, Sách GV, Bảng phụ, Một số đoạn văn, đoạn thơ có sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh
- Phương pháp kỹ thuật dạy học: đàm thoại, thảo luận nhóm, vấn đáp tái hiện

2.HS: - Soạn bài theo nội dung câu hỏi SGK.

- Tìm VD. Chuẩn bị hệ thống bài tập.

III. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định:

2. Bài cũ:

- Thế nào là trường từ vựng ?
- Tìm các từ thuộc trường từ vựng: Đồ dùng để đựng, tính cách của con người.?
- Cho VD về một trường từ vựng có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau?

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho HS

Năng lực cần đạt: Năng lực tiếp nhận, sử dụng công nghệ thông tin, hợp tác

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- GV giao nhiệm vụ học tập + GV giới thiệu bài: Trong khi	- HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS theo dõi thông tin	- Hình thức khởi động

nói hoặc viết ,muốn cho lời văn, lời nói của mình thêm hình ảnh, bóng bẩy thì không những lời văn, lời nói đó có ý nghĩa mà phải có hình tượng, âm thanh. Hay nói cách khác đó là đã sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh GV nhận xét và dẫn vào bài mới	- HS trao đổi, hợp tác để tìm hiểu và trả lời - HS báo cáo kết quả - HS lắng nghe và ghi tên bài học	hợp lý, sáng tạo, gây hứng thú cho HS - Định hướng được nội dung chủ đề bài học
---	---	--

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: (15 phút)

Mục tiêu:

- Nắm được đặc điểm và công dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh

Năng lực cần đạt:

- Năng lực thu thập thông tin, hợp tác, cảm thụ, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đặc điểm và công dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh - Chuyển giao nhiệm vụ học tập *GV treo bảng phụ có ghi các đoạn trích ở SGK - Các đoạn trích trên thuộc VB nào đã học? (Tích hợp với phần Văn) - Trong các từ in đậm trên, từ nào gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật? Từ nào mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người? - Qua đó em hiểu thế nào là từ tượng hình, từ tượng thanh? - Những từ trên có tác dụng gì trong văn miêu tả và tự sự? *GV chốt lại những ý trong phần Ghi nhớ *GV nhận xét, đánh giá, định hướng nội dung của hoạt động	- HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc các đoạn trích ở SGK (Chú ý các từ in đậm) - VB: Lão Hạc - Móm mém ,xồng xộc, vật vã, xộc xệch, rũ rượi. - Hu hu, ư ử - HS trả lời và tìm thêm VD về từ tượng hình, từ tượng thanh. - Gợi hình ảnh cụ thể, sinh động, có giá trị gợi cảm cao. - HS đọc Ghi nhớ SGK	I. Đặc điểm, công dụng: Ghi nhớ: SGK

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(10 phút)

Mục tiêu

- HS vận dụng những kiến thức trong bài học để làm bài tập

Năng lực cần đạt:

- Năng lực tiếp nhận, giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo,...

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung, yêu cầu cần đạt
GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc yêu cầu các bài tập ở SGK - GV cho HS thảo luận nhóm - Theo dõi, hỗ trợ HS - GV nhận xét, đánh giá, chốt ý chính.	HS thực hiện nhiệm vụ HT - HS suy nghĩ, tích hợp - HS thảo luận nhóm để giải các bài tập ở SGK - HS báo cáo kết quả - HS lắng nghe, ghi chép	- củng cố kiến thức trọng tâm.

Bài 1: - Từ tượng hình: Rón rén, lẻo khẻo.

- Từ tượng thanh: Soàn soạt, bịch, bốp, nham nhảm.

Bài 2: (đi) lò dò, chập chững, rón rén, khệnh khạng, sầm sập.

Bài 3:

Ha ha: Gọi tiếng cười soảng khoái, cười to

Hi hi: Mô phỏng tiếng cười phát ra từ cả đằng mũi, biểu lộ sự thích thú, có vẻ hiền lành.

Hô hô: Cười to, thô lỗ, gây cảm giác khó chịu.

Hơ hơ: Cười thoải mái, vui vẻ, không cần che đậy, giữ gìn.

Bài 4:

- Gió thổi ào ào, nhưng vẫn nghe rõ những tiếng cành khô gãy lắc rắc
- Cô bé khóc, nước mắt rơi lã chã.
- Trên cành đào đã lấm tấm những nụ hoa.
- Đêm tối, trên con đường khúc khuỷu thấp thoáng những đóm đóm lập loè.
- Chiếc đồng hồ báo thức trên bàn kiên nhẫn kêu tích tắc suốt đêm.
- Mưa rơi lộp bộp trên những tàu lá chuối.
- Đàn vịt đang lạch bạch về chuồng.
- Người đàn ông cất tiếng Ồm ồm.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)

Mục tiêu:

- HS vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn ngắn.

Năng lực cần đạt:

- Tiếp nhận sáng tạo tự học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung, yêu cầu cần đạt
GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Viết đoạn văn ngắn 4- 5 dòng chủ đề tự chọn có sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh - Theo dõi, hỗ trợ HS - GV nhận xét, đánh giá, chốt ý chính	HS thực hiện nhiệm vụ HT - HS làm việc độc lập HS trình bày kết quả - Lớp nhận xét - HS lắng nghe, học hỏi	HS vận dụng kiến thức để viết đoạn đúng yêu cầu

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (7 phút)

Mục tiêu:

- HS bước đầu hiểu, tìm tòi các tư liệu liên quan tới nội dung bài học để khắc sâu kiến thức

Năng lực cần đạt:

- Tự học, hợp tác, tiếp nhận

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung, yêu cầu cần đạt
GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Từ sự tiếp thu kiến thức đã học, em có nhận xét gì về tác dụng của việc sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh trong giao tiếp hằng ngày - GV nhận xét, bổ sung trong việc HS liên hệ. GV nhận xét, tuyên dương	HS thực hiện nhiệm vụ HT - HS trình bày	HS biết tìm tòi, mở rộng sự hiểu biết của mình về tác dụng của việc sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh trong giao tiếp hằng ngày

4. Hướng dẫn tự học và dặn dò (3 phút)

- Học Ghi nhớ SGK
- Làm bài tập còn lại
- Suu tầm một số bài thơ có sử dụng từ tượng hình , từ tượng thanh
- Đọc và nghiên cứu bài mới:’ Liên kết các đoạn văn trong VB

Rút kinh nghiệm tiết dạy:

.....

.....

.....

.....

LIÊN KẾT CÁC ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

Tiết: 16

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Sự liên kết giữa các đoạn, các phương tiện liên kết đoạn (Từ liên kết và câu nối)
- Tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong quá trình tạo lập văn bản

2. Kỹ năng

- Nhận biết, sử dụng được các câu, các từ có chức năng, tác dụng liên kết trong một văn bản

3. Năng lực:

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để hiểu nội dung.
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin
- Năng lực tự học

4. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng ý thức viết đoạn văn đảm bảo tính liên kết.

II. Chuẩn bị của GV và HS:

1. GV:

- SGK, Sách GV, Bảng phụ có ghi các đoạn văn.
- Phương pháp kỹ thuật dạy học: đàm thoại, thảo luận nhóm, so sánh đối chiếu

2. HS:

- Soạn bài theo nội dung câu hỏi SGK.
- Tìm VD. Chuẩn bị hệ thống bài tập.

III. Tiến trình dạy học:

1. Ôn định:

2. Bài cũ:

- Thế nào là đoạn văn?
- Em hiểu thế nào là câu chủ đề của đoạn văn? Vị trí của nó trong đoạn văn?
- Nêu cách trình bày nội dung đoạn văn?

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho HS

Năng lực cần đạt: Năng lực tiếp nhận, sử dụng công nghệ thông tin, hợp tác

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- GV giao nhiệm vụ học tập + GV giới thiệu bài: Bất kỳ một VB nào, muốn người nghe, người đọc hiểu được thì VB đó phải có sự liên kết. Vậy liên kết trong VB là gì? Và liên kết như thế nào ?. Bài học hôm nay chúng	- HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS theo dõi - HS trao đổi, hợp tác để tìm hiểu và trả lời - HS báo cáo kết quả	 - Hình thức khởi động hợp lý, sáng tạo, gây hứng thú cho HS

*GV cho HS đọc đoạn trích ở mục 2/SGK -Hai đoạn văn liệt kê 2 khâu của quá trình lĩnh hội và cảm thụ tác phẩm.Đó là những khâu nào? -Giữa 2 đoạn văn có từ ngữ liên kết không? Đó là những từ nào? -Tìm các phương tiện liên kết có quan hệ liệt kê? -Tìm quan hệ ý nghĩa giữa 2 đoạn văn trên? Từ ngữ liên kết? -Tìm thêm các phương tiện liên kết có ý nghĩa đối lập? -GV gọi HS đọc đoạn văn. -H ai đoạn liên kết với nhau nhờ cụm từ nào?’ ‘ĐÓ’ thuộc từ loại nào? ‘Trước đó’ là khi nào? -Kể một số đại từ có thể dùng liên kết đoạn? - Hs chú ý vào ví dụ d và cho biết: ? Tìm từ ngữ liên kết 2 đoạn văn ở bài tập trên? ? Từ ngữ “nói tóm lại” làm nhiệm vụ liên kết có ý nghĩa gì? ? Nó đứng ở vị trí nào trong đoạn văn? ? Hãy tìm tiếp các phtien liên kết mang ý nghĩa tổng kết, khái quát? ? Qua việc tìm hiểu thảo luận nhóm, các em có thể cho biết những vd trên dùng những phtien nào để liên kết các đoạn? - GV nhận xét, đánh giá, chốt ý chính *GV cho HS đọc đoạn văn /53. Các em thử tìm xem trong trường hợp này phtien lkết giữa 2 đoạn có phải là từ ngữ như các đoạn trên không? Vậy 2 đoạn	-HS đọc đoạn trích ở mục 2 /SGK và trả lời câu hỏi. -Khâu tìm hiểu và cảm thụ. -Từ ngữ :Sau khâu tìm hiểu... -Trước hết ,đầu tiên, sau đó là, cuối cùng ,mặt khác ,một là... -HS đọc 2 đoạn văn ở mục b -Quan hệ đối lập, tương phản. -Từ liên kết: Nhưng. -Trái lại, ngược lại, thế mà, tuy vậy... -Đó :Đại từ. -Trước đó: Trước ngày tựu trường. - này, ấy, vậy, thế, nọ - Từ ngữ liên kết: nói tóm lại -> Liên kết hai đoạn văn, mang ý nghĩa tổng kết, khái quát. - Đứng đầu đoạn 2 -Tóm lại, nhìn chung, tổng kết lại - Dùng từ ngữ lkết HS khái quát =>Rút ra nội dung Ghi nhớ -HS đọc đoạn văn trang 53 -Câu :’Ái chà.....ơ đây -Vì: Nói tiếp và phát triển ý ở cụm từ: Bỏ đóng sách cho mà đi học. ở đoạn văn trên.	<u>II/Cách liên kết các đoạn văn trong VB:</u> <u>1/Dùng từ ngữ để kiểm tra các đoạn văn trong VB:</u> Ghi nhớ SGK. <u>2/Dùng câu nối:</u> (SGK)
---	--	--

liên mạch với nhau nhờ phtien lkết nào? ? Tại sao câu đó lại có tác dụng liên kết ? ? Câu để liên kết 2 đoạn văn trên còn gọi là câu gì?	-> Câu nối	
--	------------	--

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(10 phút)

Mục tiêu

- HS vận dụng những kiến thức trong bài học để làm bài tập

Năng lực cần đạt:

- Năng lực tiếp nhận, giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo,...

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung, yêu cầu cần đạt
GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc yêu cầu các bài tập ở SGK - GV cho HS thảo luận nhóm - Theo dõi, hỗ trợ HS - GV nhận xét, đánh giá, chốt ý chính	HS thực hiện nhiệm vụ HT - HS suy nghĩ, tích hợp - HS thảo luận nhóm để giải các bài tập ở SGK - HS báo cáo kết quả - HS lắng nghe, ghi chép	-Củng cố kiến thức trọng tâm

Bài tập 1:

a/Nói như vậy: Tổng kết.

b/Thế mà: Tương phản.

c/Cũng :Nối tiếp, liệt kê.

Tuy nhiên: Tương phản.

Bài tập 2:

a/Từ đó oán nặng thù sâu....

b/Nói tóm lại: Phải có khen...

c/Tuy nhiên điều đáng kể là

d/Thật khó trả lời ,lâu nay tôi vẫn là

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)

Mục tiêu:

- HS vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn ngắn

Năng lực cần đạt:

- Tiếp nhận sáng tạo tự học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung, yêu cầu cần đạt
GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Tìm một số đoạn văn có sử dụng phương tiện liên kết trong các văn bản mà em đã học - Theo dõi, hỗ trợ HS - GV nhận xét, đánh giá, chốt ý chính	HS thực hiện nhiệm vụ HT - HS làm việc độc lập HS trình bày kết quả -Lớp nhận xét - HS lắng nghe, học hỏi	- Củng cố kiến thức trọng tâm

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (7 phút)

Mục tiêu:

- HS bước đầu hiểu, tìm tòi các tư liệu liên quan tới nội dung bài học để khắc sâu kiến thức

Năng lực cần đạt:

- Tự học, hợp tác, tiếp nhận

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung, yêu cầu cần đạt
GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Viết đoạn văn ngắn có sử dụng phương tiện liên kết - GV nhận xét, bổ sung trong việc HS liên hệ. GV nhận xét, tuyên dương	HS thực hiện nhiệm vụ HT - HS trình bày	HS biết tìm tòi, mở rộng sự hiểu biết của mình về tác dụng của việc sử dụng phương tiện liên kết các đoạn văn trong văn bản

4. Hướng dẫn tự học và dặn dò (3 phút)

- Học bài theo nội dung Ghi nhớ SGK
- Làm bài tập 3/55.
- Tìm và chỉ ra tác dụng của các từ ngữ và câu văn được dùng để liên kết các đoạn văn trong một văn bản theo yêu cầu
- Chuẩn bị bài mới: Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.
 - + Soạn bài theo nội dung câu hỏi SGK .
 - + Tìm một số từ địa phương em thường dùng mà nơi khác không dùng.

Rút kinh nghiệm tiết dạy:

.....
.....
.....
.....